

**DANH MỤC KHÁM CHUYÊN SÂU CAO CẤP TẠI VINMEC  
(GÓI VIP CARE GOLD)**

STT	Mã Ehos	Mã OH	Tên dịch vụ	Ý nghĩa của từng DV trong gói (Phát hiện bệnh gì, bất thường gì)	Bình thường thì sau bao lâu nên kiểm tra lại	Nam	Nữ
<b>I</b>			<b>Khám lâm sàng</b>				
1	KSK_KT Q	GD.0004	KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
2	KHACN	GD.0001	KSK_Kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
3	KSK_KT L	GD.0003	KSK_Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra thị lực của mắt	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
4	KSK- MAT	GD.0010	KSK_Khám thị lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
5	KTRM	E15.0409	KSK_Khám kiểm tra răng miệng	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
6	TMH- 002	E17.0132	Khám tai mũi họng với nội soi (có hẹn/ không hẹn)	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai. Kiểm tra xem có thể nghe âm thanh ở mức độ âm lượng nào.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
7	MAT- 210	FE.0048	Đo nhãn áp (1 lần)	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt. Kiểm tra nghi ngờ các bệnh về mắt có nguyên nhân từ các rối loạn chức năng mắt như tật khúc xạ, tăng nhãn áp, thoái hóa điểm vàng, xuất huyết đáy mắt do tăng huyết áp hoặc đái tháo đường.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
8	NK-007	FA.05.00 90	Chụp Xquang răng toàn cảnh	Kiểm tra, phát hiện bất thường về bệnh lý răng, miệng.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
9	KSK_KP KCTC	GD.0005	KSK_Khám phụ khoa, khám vú	Đánh giá yếu tố nguy cơ, khám kiểm tra vú, phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)		x
<b>II</b>			<b>Cận lâm sàng - Xét nghiệm</b>				
10	XH-001	22.121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
11	XS-004	23.41	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	3 tháng	x	x
12	XS-005	23.158	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	3 tháng	x	x

STT	Mã Ehos	Mã OH	Tên dịch vụ	Ý nghĩa của từng DV trong gói (Phát hiện bệnh gì, bất thường gì)	Bình thường thì sau bao lâu nên kiểm tra lại	Nam	Nữ
13	XS-006	23.84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	3 tháng	x	x
14	XS-007	23.112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	3 tháng	x	x
15	XS-022	23.20	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	6 tháng	x	x
16	XS-023	23.19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	6 tháng	x	x
17	XS-025	23.77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	6 tháng	x	x
18	XV-014	24.119	HBsAg miễn dịch tự động	Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan B	tùy đánh giá về miễn dịch với viêm gan B	x	x
19	XV-016	24.124	HBsAb định lượng	Kiểm tra kháng thể với kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B	tùy đánh giá về miễn dịch với viêm gan B	x	x
20	XV-020	24.129	HBc total miễn dịch tự động	Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan B.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
21	XV-021	24.146	HCV Ab miễn dịch tự động	Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan C	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
22	XV-023	24.159	HAV total miễn dịch tự động	Kiểm tra tình trạng kháng thể với virus viêm gan A.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
23	XV-022	24.157	HAV IgM miễn dịch tự động	Kiểm tra tình trạng nhiễm virus viêm gan A cấp	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
24	XM-025	23.32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	Dấu ấn sàng lọc ung thư buồng trứng	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)		x
25	XS-014	23.29	Định lượng Calci toàn phần	Đánh giá chức năng tuyến cận giáp và sự chuyển hoá canxi huyết.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
26	XS-015	23.30	Định lượng Calci ion hóa	Đánh giá chức năng tuyến cận giáp và sự chuyển hoá canxi huyết.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
27	XM-095	23.55	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	Thể hiện tình trạng vitamin D trong cơ thể, đánh giá tình trạng liên quan đến sự khoáng hóa xương, liên quan đến một số gen chịu trách nhiệm về điều hòa sự tăng sinh của tế bào, sự biệt hóa tế bào, miễn dịch...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
28	XS-077	23.3051	Định lượng kẽm (Zn) máu	Định lượng vi chất kẽm trong cơ thể.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x

STT	Mã Ehos	Mã OH	Tên dịch vụ	Ý nghĩa của từng DV trong gói (Phát hiện bệnh gì, bất thường gì)	Bình thường thì sau bao lâu nên kiểm tra lại	Nam	Nữ
29	XS-013	23.58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	Định lượng các chất điện giải đồ (Na, K, Cl) trong cơ thể	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
30	XS-001	23.27	Định lượng Bilirubin toàn phần	Dùng để đánh giá rối loạn tại gan như viêm gan, xơ gan hay các rối loạn đường dẫn mật như sỏi mật, vàng da do tan huyết, tan máu.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
31	XS-002	23.25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Dùng để đánh giá rối loạn tại gan như viêm gan, xơ gan hay các rối loạn đường dẫn mật như sỏi mật, vàng da do tan huyết, tan máu.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
32	XS-003	23.26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	Dùng để đánh giá rối loạn tại gan như viêm gan, xơ gan hay các rối loạn đường dẫn mật như sỏi mật, vàng da do tan huyết, tan máu.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
33	XS-024	23.9	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase)	Có giá trị kiểm tra các bệnh về gan, đường mật, phát triển xương ( trẻ em, phụ nữ có thai...). Thay đổi gặp trong nhiều bệnh lý khác như cường giáp, ung thư di căn xương, viêm thận mạn tính, thiếu vitamin C, suy giáp...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
34	XM-046	23.3030	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	Đánh giá liên quan đến tình trạng suy tim	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
35	XS-137	23.3073	Độ lọc cầu thận ước tính (eGFR)	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, giúp phân độ suy thận . Chẩn đoán sớm rối loạn chức năng thận từ mức độ nhẹ ~ vừa.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
36	XS-010	23.133	Định lượng Protein toàn phần	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng liên quan đến chuyển hóa đạm ( Protein toàn phần, Albumin): Thiếu dinh dưỡng, rối loạn chức năng gan, suy tim, mang thai, u ác tính, hội chứng thận hư, mất nước, bệnh mô liên kết...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
37	XS-008	23.7	Định lượng Albumin	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng liên quan đến chuyển hóa đạm ( Protein toàn phần, Albumin): Thiếu dinh dưỡng, rối loạn chức năng gan, suy tim, mang thai, u ác tính, hội chứng thận hư, mất nước, bệnh mô liên kết...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
38	XS-016	23.143	Định lượng sắt huyết thanh	Đánh giá tình trạng sắt và dự trữ sắt trong cơ thể. Liên quan đến chế độ ăn, bệnh lý thiếu máu, bệnh truyền nhiễm, rối loạn tại gan, rối loạn chức năng sản xuất máu...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
39	XM-032	23.63	Định lượng Ferritin	Đánh giá tình trạng sắt và dự trữ sắt trong cơ thể. Liên quan đến chế độ ăn, bệnh lý thiếu máu, bệnh truyền nhiễm, rối loạn tại gan, rối loạn chức năng sản xuất máu...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x

STT	Mã Ehos	Mã OH	Tên dịch vụ	Ý nghĩa của từng DV trong gói (Phát hiện bệnh gì, bất thường gì)	Bình thường thì sau bao lâu nên kiểm tra lại	Nam	Nữ
40	XS-031	23.42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	Đánh giá tình trạng liên quan đến cơ bắp, cơ xương, cơ tim, não v.v... nếu các cơ quan này bị tổn thương nó sẽ giải phóng vào trong máu và nồng độ sẽ tăng lên.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
41	XS-026	23.111	Định lượng LDH	Xét nghiệm khó đánh giá mối liên quan của chỉ số này với một số bệnh cụ thể. Phối hợp xem xét cùng các chỉ số xét nghiệm khác liên quan đến các mô trên toàn cơ thể như gan, tim, thận, phổi, não, cơ, hồng cầu v.v...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
42	XS-028	23.10	Đo hoạt độ Amylase	Đánh giá các bệnh về tụy và tuyến nước bọt mang tai		x	x
43	XH-091	22.625	Định nhóm máu hệ ABO, Rh (D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	Xác định nhóm máu	Chỉ cần làm 1 lần	x	x
44	XM-012	23.69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Kiểm tra chức năng tuyến giáp	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
45	XM-013	23.162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	Kiểm tra chức năng tuyến giáp	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
46	XM-011	23.68	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	Kiểm tra chức năng tuyến giáp	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
47	XM-020	23.18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	Các dấu ấn ung thư để sàng lọc ung thư gan.	3- 6 tháng tùy nhóm nguy cơ	x	x
48	XM-125	23.3067	Định lượng AFP- L3	Các dấu ấn ung thư để sàng lọc ung thư gan.	3- 6 tháng tùy nhóm nguy cơ	x	x
49	XS-130	23.3063	Định lượng PIVKA (PIVKA II)	Các dấu ấn ung thư để sàng lọc ung thư gan.	3- 6 tháng tùy nhóm nguy cơ	x	x
50	XV-295	24.264	Hồng cầu trong phân định lượng	Để chẩn đoán xuất huyết đường tiêu hóa. Hiệu quả trong việc kiểm tra ung thư đại tràng, polyp dạng tràng v.v... Khi bị trĩ hoặc đang trong chu kỳ kinh nguyệt cũng có thể cho kết quả dương tính nên khi xét nghiệm phân cần phải chú ý.	12 tháng	x	x
51	XM-021	23.139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	12 tháng	x	
52	XM-022	23.138	Định lượng PSA tự do (Free	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	12 tháng	x	

STT	Mã Ehos	Mã OH	Tên dịch vụ	Ý nghĩa của từng DV trong gói (Phát hiện bệnh gì, bất thường gì)	Bình thường thì sau bao lâu nên kiểm tra lại	Nam	Nữ
			prostate-Specific Antigen)				
53	XS-012	23.51	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	6 tháng	x	x
54	XS-011	23.166	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	6 tháng	x	x
55	XS-019	23.176	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	6 tháng	x	x
56	XS-018	23.75	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	3 tháng	x	x
57	XH-163	23.83	Định lượng HbA1c	Đánh giá tình trạng chuyển hóa đường, chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu.	3 tháng	x	x
58	XS-043	23.206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Đánh giá sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu, gợi ý cho các tổn thương cầu thận.	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	x
59	XH-094	23.3041	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bảng máy tự động) [Soi cận nước tiểu]	Đánh giá tình trạng hồng cầu niệu, viêm thận, viêm bàng quang v.v...	6 - 12 tháng (Tốt nhất là 6 tháng)	x	
60	XG-045	25.78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào	Làm lại mỗi 3 năm nếu bộ đôi xét nghiệm bình thường.		x
<b>III Cận lâm sàng - CĐHA</b>							
61	SA-001	FA.04.00 13	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Kiểm tra có bất thường về hình dạng của nội tạng trong bụng hay không, phát hiện các bệnh lý trong ổ bụng như gan mật, tụy lách, thận..... Góp phần vào việc phát hiện ung thư các nội tạng. Âm tính giả với các khối u tạng đặc <1cm	Nam, nữ: 6 tháng - 1 năm, trẻ em: 1 năm	x	x
62	SA-067	FA.04.00 95	Siêu âm phụ khoa thường quy (đường bụng)	Phát hiện bệnh lý và dị dạng ở tử cung và phần phụ	6-12 tháng		x
63	SA-007	FA.04.00 27	Siêu âm tuyến vú hai bên	Phát hiện các dấu hiệu lành tính và ác tính tuyến vú trên siêu âmĐộ nhạy phát hiện UTV: 60-92%Độ đặc hiệu: 63-99%	6-12 tháng		x

STT	Mã Ehos	Mã OH	Tên dịch vụ	Ý nghĩa của từng DV trong gói (Phát hiện bệnh gì, bất thường gì)	Bình thường thì sau bao lâu nên kiểm tra lại	Nam	Nữ
64	XQ-017	FA.05.00 55	Chụp Xquang tuyến vú(2 bên)	Phát hiện các dấu hiệu lành tính và ác tính tuyến vú trên Xquang Độ chính xác: khoảng 78% Độ nhạy: 63-98% Độ đặc hiệu: khoảng 80%	12 tháng, tùy nhóm nguy cơ		x
65	SA-033	FA.04.00 01	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	12 tháng	x	x
66	DVL-016	FE.0023	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Là phương pháp kiểm tra hoạt động, cấu trúc của tim	12 tháng	x	x
67	SA-060	FA.05.00 69	Đo độ loãng xương bằng siêu âm	Kiểm tra sàng lọc tình trạng loãng xương, giảm khối lượng xương do cao tuổi và mãn kinh.	12 tháng	x	x
68	XQ-013	FA.05.00 48	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	Trường hợp không có bất thường, NB không có các yếu tố nguy cơ cao như hút thuốc lá, thì Xquang ngực thẳng nên được thực hiện trong các lần thăm khám sức khỏe định kỳ	Bác sĩ chỉ định 1 trong 3 dịch vụ	Bác sĩ chỉ định 1 trong 3 dịch vụ
69	CT-009	FA.03.00 73	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	Đánh giá các bất thường liên quan các cấu trúc bên trong lồng ngực bao gồm xương sườn, thành ngực, nhu mô phổi, màng phổi, hệ mạch máu phổi, tim và các đại động mạch, các cấu trúc bên trong trung thất.	Theo chỉ định bác sĩ		
70	CT-057	FA.01.00 61	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	Phát hiện tổn thương bệnh lý tại phổi. Có nguy cơ phơi nhiễm với bức xạ, chẩn đoán quá mức dẫn đến lạm dụng các biện pháp can thiệp (dương tính giả của CT phổi liều thấp rất cao 96%)	12 tháng		
71	DVL-007	FE.0027	Điện tim thường	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim	Điện tâm đồ chỉ có giá trị tại thời điểm thực hiện thăm dò Không có giá trị hiệu lực kéo dài trong trường hợp kết quả bình thường	x	x

Danh mục khám có thể thay đổi theo quy định từng thời kỳ của bệnh viện Vinmec. Quý khách hàng vui lòng liên hệ cơ sở Vinmec gần nhất hoặc liên hệ Hotline BIC: **1800 9456** để được tư vấn, hỗ trợ.